

Số: **59** /NQ-HĐND

Thành phố Lai Châu, ngày **06** tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03
Chương trình mục tiêu Quốc gia**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 746/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia; số 747/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 về việc giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia;

Xét Tờ trình số 1936/TTr-UBND ngày 02/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Lai Châu về đề nghị giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia; Báo cáo thẩm tra số 93/BC-HĐND ngày 04/8/2022 của Ban Kinh tế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia với tổng số vốn 12.384 triệu đồng (bao gồm: 5.324 triệu đồng, vốn sự nghiệp; 7.060 triệu đồng, vốn đầu tư phát triển), cho từng chương trình như sau:

1. Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới: 4.054 triệu đồng (gồm: 1.570 triệu đồng, vốn sự nghiệp; 2.484 triệu đồng, vốn đầu tư phát triển).

2. Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững: 924 triệu đồng, vốn sự nghiệp.

3. Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 7.406 triệu đồng (gồm: 2.830 triệu đồng, vốn sự nghiệp; 4.576 triệu đồng, vốn đầu tư phát triển).

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao

1. Ủy ban nhân dân thành phố triển khai hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu khóa IV, kỳ họp thứ sáu nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua ngày 06 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực Thành ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố;
- Văn phòng HĐND - UBND thành phố
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH



Giàng Thị Xoa

**BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN 03
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

(Kèm theo Nghị quyết số: **59**/NQ-HĐND ngày **06** tháng 8 năm 2022 của HĐND thành phố Lai Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dự án, tiểu dự án	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
		Tổng số	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	
	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	12.384	5.324	7.060	
A	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021, 2022	4.054	1.570	2.484	
B	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	924	924	0	
1	Dự án 2	179	179	0	
2	Dự án 4	705	705	0	
2.1	Tiểu dự án 1	680	680	0	
2.2	Tiểu dự án 3	25	25	0	
3	Dự án 6	4	4	0	
3.1	Tiểu dự án 2	4	4	0	
4	Dự án 7	36	36	0	
4.1	Tiểu dự án 1	26	26	0	
4.2	Tiểu dự án 2	10	10	0	
C	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	7.406	2.830	4.576	
1	Dự án 1	947	20	927	
2	Dự án 2	1.519	0	1.519	
3	Dự án 3	717	717	0	
3.1	Tiểu dự án 1	655	655	0	
3.2	Tiểu dự án 2	62	62	0	
4	Dự án 4	1.071	81	990	
5	Dự án 5	1.159	1.159	0	
5.1	Tiểu dự án 1	252	252	0	
5.2	Tiểu dự án 2	164	164	0	
-	Nội dung 1	164	164	0	
5.3	Tiểu dự án 3	743	743	0	
6	Dự án 6	1.529	389	1.140	
7	Dự án 8	67	67	0	
8	Dự án 9	314	314	0	
8.1	Tiểu dự án 1	272	272	0	
8.2	Tiểu dự án 2	42	42	0	
9	Dự án 10	83	83	0	
9.1	Tiểu dự án 1	72	72	0	
9.2	Tiểu dự án 3	11	11	0	

leahy

BIỂU GIAO DỰ TOÁN CHI TIẾT NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP)

*(Kèm theo Nghị quyết số **59** /NQ-HĐND ngày **06** /8/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu)*

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	5.324	
1	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	1.570	
1.1	<i>Phòng Kinh tế</i>	100	
	- Kinh phí quản lý chương trình	100	
1.2	<i>UBND xã Sùng Phài</i>	1.090	
	- Kinh phí quản lý chương trình	25	
	- KP thực hiện các nhiệm vụ: Lập quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu tập trung, vệ sinh môi trường nông thôn...	1.065	
1.3	<i>UBND xã San Thàng</i>	380	
	- Kinh phí quản lý chương trình	25	
	- KP thực hiện các nhiệm vụ: Lập quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu tập trung, vệ sinh môi trường nông thôn...	355	
2	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	924	
2.1	<i>UBND xã Sùng Phài</i>	179	
	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	179	
2.2	<i>Phòng Lao động - TB&XH</i>	745	
	- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	705	
	+ <i>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>	680	
	+ <i>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</i>	25	
	- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	4	
	+ <i>Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều</i>	4	
	- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	36	
	+ <i>Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình</i>	26	

leahy

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	+ <i>Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá</i>	10	
3	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.830	
3.1	<i>UBND xã Sùng Phài</i>	1.521	
	- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	20	
	- Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	717	
	+ <i>Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</i>	655	
	+ <i>Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị</i>	62	
	- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	81	
	- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	389	
	- Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	314	
	+ <i>Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù</i>	272	
	+ <i>Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</i>	42	
3.2	<i>Phòng Giáo dục và Đào tạo</i>	252	
	- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	252	
	+ <i>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.</i>	252	
3.3	<i>Phòng Nội vụ</i>	164	
	- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	164	

leahy

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	+ Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	164	
3.4	Phòng Lao động - TB&XH	743	
	- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	743	
	+ Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.	743	
3.5	Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố	67	
	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	67	
3.6	Văn phòng HĐND-UBND	83	
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	83	
	- Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.	72	
	- Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.	11	

leahy

1922

**BIỂU KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
(NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ)**

(Kèm theo Nghị Quyết số **59** /NQ-HDND ngày **06** tháng 8 năm 2022 của HĐND thành phố)

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		KHV giai đoạn 2021-2025		KHV năm 2022		Ghi chú
						Số QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Vốn đầu tư (NSTW)	Tổng số	Vốn đầu tư (NSTW)	
	TỔNG CỘNG						21.929	19.333	19.333	7.060	7.060	
A	Nguồn NSTW thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số						17.729	15.333	15.333	4.576	4.576	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt						2.935	2.935	2.935	927	927	
b	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung						2.935	2.935	2.935	927	927	
I	Nâng cấp NSH đến các hộ bản Tả Chải, Trung Chải	UBND xã Sùng Phài	X.Sùng Phài	101 hộ	2022-2023	395/QĐ-UBND 22/7/2022	2.935	2.935	2.935	927	927	
II	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp bố trí ổn định dân cư						10.500	8.118	8.118	1.519	1.519	
I	Dự án bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải, xã Sùng Phài, TP Lai Châu	Ban Quản lý dự án	X.Sùng Phài	35 hộ	2022-2024	1405/QĐ-UBND 22/7/2022	10.500	8.118	8.118	1.519	1.519	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc						3.140	3.140	3.140	990	990	
I	Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Sin Chải	UBND xã Sùng Phài	X.Sùng Phài	Đường GTNT C: chiều dài L=1,8km, rãnh thoát nước L=500m	2022-2023	396/QĐ-UBND 22/7/2022	3.140	3.140	3.140	990	990	
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch						1.154	1.140	1.140	1.140	1.140	

leabry

STT	Danh mục	Chữ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		KHY giai đoạn 2021-2025		KHY năm 2022		Ghi chú
						Số QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Vốn đầu tư (NSTW)	Tổng số	Vốn đầu tư (NSTW)	
<i>b</i>	<i>Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn (gồm 04 nhà văn hóa tại các bản: Trung Chải, Suối Thầu, Tà Chải, Hời Lùng xã Sùng Phài)</i>			04 nhà văn hóa			1.154	1.140	1.140	1.140	1.140	
1	Nhà văn hóa bản Trung Chải	UBND xã Sùng Phài	X. Sùng Phài	1	2022	398/QĐ-UBND 22/7/2022	300	300	300	300	300	xây mới
2	Nhà văn hóa bản Suối Thầu	UBND xã Sùng Phài	X. Sùng Phài	1	2022	400/QĐ-UBND 22/7/2022	280	280	280	280	280	Nâng cấp, sửa chữa
3	Nhà văn hóa bản Tà Chải	UBND xã Sùng Phài	X. Sùng Phài	1	2022	399/QĐ-UBND 22/7/2022	280	280	280	280	280	Nâng cấp, sửa chữa
4	Nhà văn hóa bản Hời Lùng	UBND xã Sùng Phài	X. Sùng Phài	1	2022	401/QĐ-UBND 22/7/2022	294	280	280	280	280	Nâng cấp, sửa chữa
B	Nguồn NSTW thực hiện CT MTQG xây dựng NTM						4.200	4.000	4.000	2.484	2.484	
<i>a</i>	<i>Xã Sùng Phài</i>						1.890	1.800	1.800	1.680	1.680	
1	Đường giao thông nội đồng bản Cư Nhà La, xã Sùng Phài	UBND xã Sùng Phài	X. Sùng Phài	Đường GTNT C; chiều dài L=1,2km	2022-2023	397/QĐ-UBND 22/7/2022	1.890	1.800	1.800	1.680	1.680	
<i>b</i>	<i>Xã San Thàng</i>						2.310	2.200	2.200	804	804	
2	Đường giao thông nội đồng bản Càng Dáng, xã San Thàng	UBND xã San Thàng	X. San Thàng	Đường GTNT C; chiều dài L=1,6km	2022-2023	685/QĐ-UBND 22/7/2022	2.310	2.200	2.200	804	804	

leahy



